

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN B**  
**TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*B, ngày 28 tháng 9 N 2021*

Số: 25/2021/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Lượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lê Đình Cóong

2. Ông: Mai Văn Rạng

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 133/2021/TLST-DS, ngày 11 tháng 11 N  
2021

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn*: ông Phạm Đình T, sinh N: 1965;

- *Bị đơn*: ông Đoàn Văn N, sinh N 1963;

Cùng địa chỉ: thôn 02, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện theo ủy quyền cho bị đơn*: ông Trần Minh T, sinh N: 1970; Địa chỉ:  
KP. Thanh Bình, TT. Thanh Bình, huyện B, tỉnh Bình Phước

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Ông Đoàn Văn N có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Đình T số tiền là:  
170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng). Phương thức thanh toán chia làm  
02 lần:

Lần 1: Trả 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng) vào ngày 28/11/2021

Lần 2: Trả 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng) vào ngày 28/3/2022

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông N có đơn xin miễn giảm án phí có xác nhận của chính quyền địa phương. Căn cứ khoản 01 Điều 13 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Đoàn Văn N được giảm 50% của số tiền 8.500.000đ (Tám triệu N trăm nghìn đồng) án phí. Ông Đoàn Văn N còn phải nộp 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm N mươi nghìn đồng)

Chi cục Thi hành án dân sự huyện B trả lại cho ông Phạm Đình T số tiền 8.750.000đ (tám triệu bảy trăm N mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số:022010 ngày 10/11/2020.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông N còn phải trả cho ông T tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Chi cục THA DS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Trần Văn Lượng**